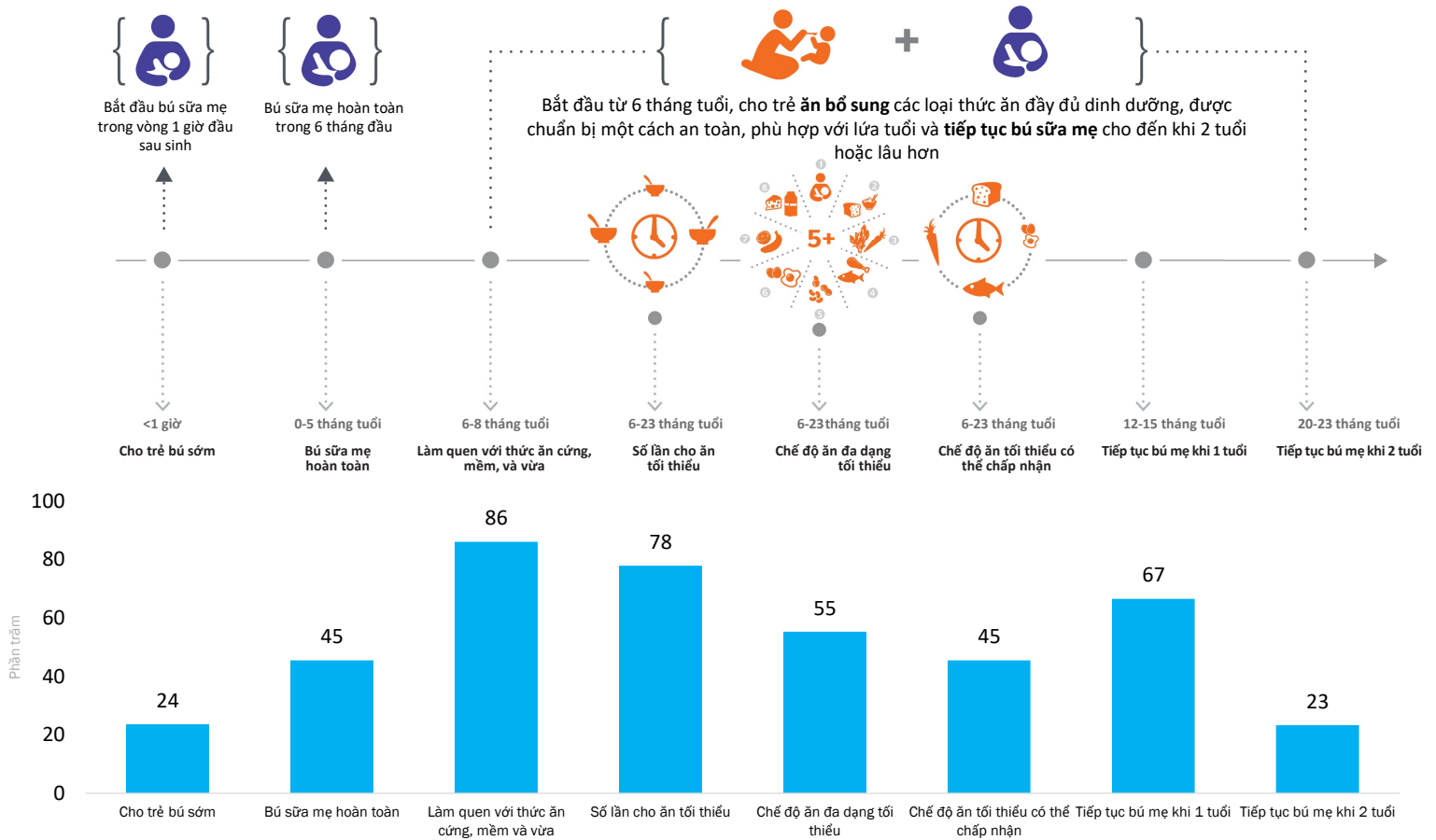


# Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021



## Chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

### Chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ



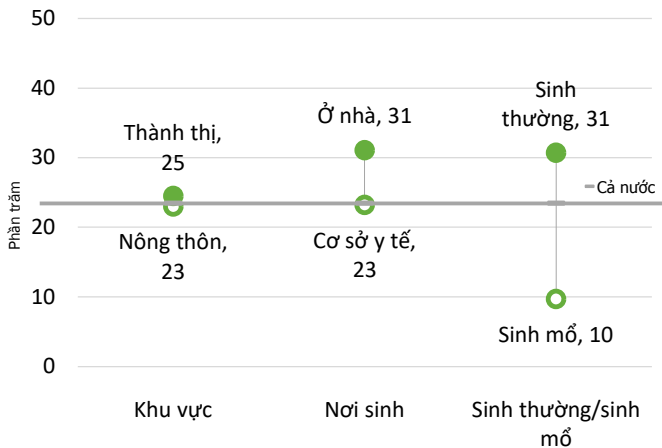
**Cho trẻ bú sớm:** phần trăm trẻ sinh ra được bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh; **Bú sữa mẹ hoàn toàn:** phần trăm trẻ sơ sinh từ 0-5 tháng tuổi được bú sữa mẹ hoàn toàn; **Làm quen với thức ăn cứng:** phần trăm trẻ từ 6-8 tháng tuổi được cho ăn thức ăn cứng hoặc vừa; **Chế độ ăn đa dạng tối thiểu:** phần trăm trẻ từ 6-23 tháng tuổi được cho ăn 5 trong số 8 nhóm thức ăn được khuyến nghị; **Số lần cho ăn tối thiểu:** phần trăm trẻ từ 6-23 tháng tuổi được cho ăn thức ăn cứng/ mềm với số lần tối thiểu được khuyến nghị theo độ tuổi của trẻ; **Chế độ ăn tối thiểu có thể chấp nhận:** phần trăm trẻ từ 6-23 tháng tuổi được cho ăn thức ăn đa dạng tối thiểu và số lần ăn tối thiểu; **Tiếp tục bú mẹ khi 1 tuổi:** phần trăm trẻ từ 12-15 tháng tuổi tiếp tục được bú sữa mẹ; **Tiếp tục bú sữa mẹ khi 2 tuổi:** phần trăm trẻ từ 20-23 tháng tuổi tiếp tục được bú sữa mẹ.

## Thông điệp chính

- Tại Việt Nam, cứ 4 trẻ thì có dưới 1 trẻ được bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh. Tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ trong vòng 1 ngày sau sinh cao hơn nhiều, với 72,5%. Dưới một nửa số trẻ dưới 6 tháng tuổi (45,4%) được bú sữa mẹ hoàn toàn.
- Chưa đến 50% trẻ từ 6-23 tháng tuổi có chế độ ăn tối thiểu được chấp nhận cả về đa dạng thức ăn (ít nhất 5 trong 8 nhóm thức ăn) và số lần ăn (ít nhất 2 đến 3 lần đối với trẻ bú sữa mẹ và ít nhất 4 lần đối với trẻ không bú sữa mẹ).
- Tỷ lệ phần trăm trẻ em có chế độ ăn tối thiểu được chấp nhận có tương quan thuận với nhóm mức sống của hộ gia đình và trình độ học vấn của người mẹ. Trẻ em có mẹ có trình độ học vấn cao hơn và thuộc các gia đình khá giả hơn có nhiều khả năng có chế độ ăn đủ cả về số lượng và chất lượng.
- Có sự khác biệt đáng kể giữa khu vực thành thị (50,4%) và nông thôn (43,2%), giữa nhóm trẻ nhỏ nhất, 6-8 tháng tuổi (31,6%) và nhóm trẻ lớn nhất, 18-23 tháng tuổi (51,8%), giữa nhóm dân tộc Kinh/Hoa (48,5%) và nhóm dân tộc Mông (7,1%).

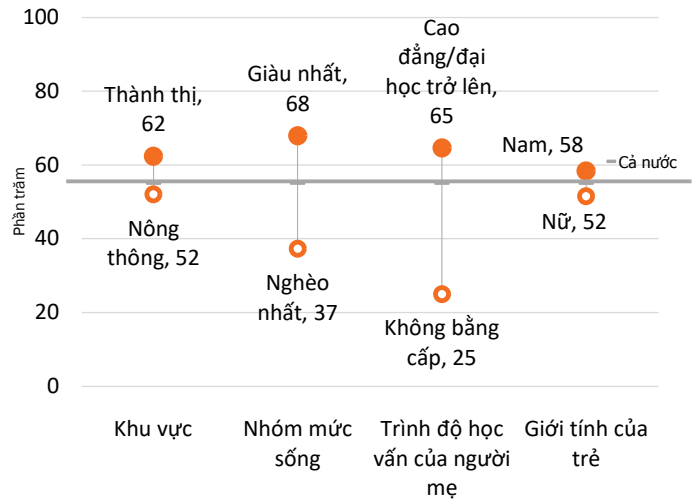
## Chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ: Sự bình đẳng

### Cho trẻ bú sớm



Phần trăm trẻ sinh ra được bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, chia theo đặc điểm cơ bản

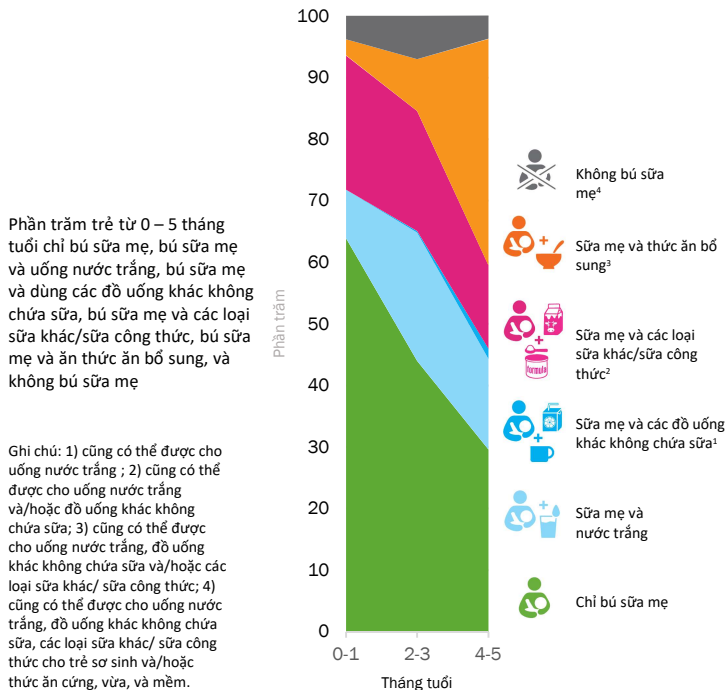
### Chế độ ăn đa dạng tối thiểu



Phần trăm trẻ từ 6 – 23 tháng tuổi được cho ăn tối thiểu 5 trong số 8 nhóm thức ăn, chia theo đặc điểm cơ bản

## Chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ: Trẻ sơ sinh được cho ăn những gì?

### Đồ uống hoặc thức ăn trẻ sơ sinh từ 0-5 tháng tuổi được cho ăn/uống



### Số liệu chia theo vùng/thành phố

Vùng/thành phố	Trẻ được bú trong vòng 1 giờ đầu sau sinh (%)	Trẻ được ăn đa dạng ở mức tối thiểu được chấp nhận (%)
Cả nước	23,5	55,2
Đồng bằng sông Hồng	21,3	61,8
Hà Nội	14,4	76,1
Trung du và miền núi phía Bắc	28,0	41,9
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	23,6	66,4
Tây Nguyên	31,6	55,6
Đông Nam Bộ	25,2	46,0
TP Hồ Chí Minh	34,0	42,3
Đồng bằng sông Cửu Long	14,6	52,0

Phần trăm trẻ sơ sinh được bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, phần trăm trẻ từ 6-23 tháng tuổi được cho ăn tối thiểu 5 trong số 8 nhóm thức ăn, chia theo vùng/thành phố

Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ (SDGCW) Việt Nam được Tổng cục Thống kê thực hiện trong năm 2020-2021 trong khuôn khổ chương trình MICS toàn cầu của UNICEF với hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của UNICEF và UNFPA.

Mục tiêu của tài liệu tóm lược này là phổ biến những phát hiện được chọn lọc từ Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 liên quan đến Chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Số liệu từ tài liệu tóm lược này được trích dẫn từ Bảng TC.7.1, TC.7.3, TC.7.5, TC.7.6 và TC.7.7 trong Báo cáo kết quả điều

tra. Các tài liệu tóm lược chủ đề khác và Báo cáo kết quả tóm tắt về cuộc điều tra này và các cuộc điều tra khác được đăng tải trên [mics.unicef.org/surveys](https://mics.unicef.org/surveys).